

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 637/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đúng;

Ông Lại Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 940/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 297/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Hoàng Q (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: E4/33 K, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đinh Công T (vắng mặt).

Địa chỉ: 5/19, tổ 5, ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/9/2023 và lời khai của nguyên đơn – bà Phan Hoàng Q thì:

Bà và ông Đinh Công T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2011, quyền số 01/2011 ngày 23/3/2011. Sau khi kết hôn, Bà và ông T chung sống tại địa chỉ: 5/19, tổ 5, ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên tranh cãi; ông T thiếu sự tin tưởng đối với Bà nên thường xuyên ghen tuông vô cớ, hành hung, gây áp lực về tinh thần cho Bà, ảnh hưởng đến sức khỏe và công việc của Bà. Bà đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ, hàn gắn nhưng ông T không thay đổi nên Bà và ông T đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Bà yêu cầu ly hôn với ông Đinh Công T.

Về việc nuôi con: Bà và ông Đinh Công T có 01 (một) con chung là Đinh Hoàng T, sinh ngày: 22/3/2012, giới tính: Nam. Hiện con chung Đinh Hoàng T đang sống với Bà và gia đình ngoại tại địa chỉ E4/33, khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, đang học lớp 6 tại Trường Trung học cơ sở T. Từ khi Bà và ông T ly thân, con chung Đinh Hoàng T do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang học rất tốt, sức khỏe ổn, phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Ông T không đóng góp chi phí nuôi con cũng không thăm nom, chăm sóc con. Bà đang làm kế toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Tiến Thắng với mức lương mỗi tháng là 8.000.000đ (tám triệu đồng) nên bà có công việc, thu nhập ổn định. Ngoài ra, Bà có chỗ ở ổn định là nhà của mẹ ruột tại địa chỉ nêu trên và có sự hỗ trợ của người thân trong việc chăm sóc con chung. Con chung Đinh Hoàng T đang sinh sống, học tập ổn định nên Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đinh Hoàng T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Bị đơn – ông Đinh Công T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Con chung Đinh Hoàng T, sinh ngày: 22/3/2012 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn.

Theo kết quả xác minh ngày 27/02/2024 của Công an xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3259/TAHBC ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông Đinh Công T có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ 5/19, tổ 5, ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh ngày 10/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 13688/TAHBC ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác

minh tình trạng hôn nhân thì: “Hiện tại ông Đinh Công Thủ; sinh năm 1985 và bà Phan Hoàng Q; sinh năm 1986 không có cư trú tại địa phương nên không có cơ sở để xác minh”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195; Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phan Hoàng Q khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đinh Công T, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên tranh chấp giữa bà Q và ông T là “tranh chấp ly hôn”. Theo kết quả xác minh ngày 27/02/2024 của Công an xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3259/TAHBC ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông Đinh Công T có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ 5/19, tổ 5, ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bà Phan Hoàng Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đinh Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Q và ông Thủ.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2011, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Hoàng Q và ông Đinh Công T là hợp pháp. Theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 700/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và trình bày của bà Q thì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài,

không thể giải quyết dẫn đến vợ, chồng sống ly thân từ tháng 5/2023 bà Q đã từng khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Thủ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông T để ông T trình bày ý kiến, nguyện vọng đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q, giải quyết mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối đối với các tình tiết do bà Q đưa ra, không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định bà Q và ông T đã sống ly thân; không thương yêu, quý trọng nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà Ngọc có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con:

[3.1] Theo Giấy khai sinh số 62/2012, quyền số: 01/2012 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/4/2012 và trình bày của bà Q thì bà Q và ông T có 01 (một) con chung là Đình Hoàng T, sinh ngày: 22/3/2012, giới tính: Nam. Căn cứ Thông báo số 94 ngày 18/5/2023 về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú của Công an thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Phiếu đánh giá học tập cuối năm học ngày 19/5/2023, Giấy khen QĐ số 478/QĐ-THTT2 ngày 18/5/2023 của Trường tiểu học Tân Túc 2 và trình bày của bà Q thì con chung Đình Hoàng T đang sống ổn định cùng bà Q, do bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang phát triển tốt. Căn cứ Giấy xác nhận công tác ngày 25/12/2023 của bà Q có xác nhận của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Tiến Thắng thì bà Q có công việc và thu nhập ổn định, đủ đảm bảo các nhu cầu của con chung nên bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đình Hoàng T. Ông T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu về việc nuôi con của bà Q. Con chung Đình Hoàng T có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Như vậy, có cơ sở xác định việc giao con chung Đình Hoàng T cho bà Q trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, hạn chế việc xáo trộn môi trường sống, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.2] Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đối với con chung Đình Hoàng T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được ghi nhận.

[3.3] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Q , giao bà Q trực tiếp nuôi con chung Đình Hoàng T, ghi nhận bà Q tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Q trình bày Bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Bà Q trình bày Bà và ông T không có nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Q khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 4; Điều 6; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Phan Hoàng Q được ly hôn ông Đình Công Thủ.

2. Về việc nuôi con:

Giao bà Phan Hoàng Q trực tiếp nuôi con chung là Đình Hoàng T, sinh ngày: 22/3/2012, giới tính: Nam.

Ghi nhận bà Phan Hoàng Q tự nguyện không yêu cầu ông Đình Công Tcp cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đình Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đình Hoàng T, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Hoàng Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020757 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Hoàng Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Thanh Thùy